

| | | | | | |
|---|-----------------|--|---------------|--|-----------------------------|
| | | 7.2. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt. | \geq 50% | | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| | | 7.3. Tỷ lệ các tuyến đường xã, áp đảm bảo tiêu thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến. | \geq 60% | | |
| | | 7.4. Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng. | Đạt | | |
| | | 7.5. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường | \geq 90% | | |
| | | 7.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững. | 100% | | |
| D. Tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công: | | | | | |
| 8 | An ninh trật tự | Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật, không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm. | Đạt | | Công an thành phố |
| 9 | Hành chính công | 9.1. Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả. | Đạt | | Sở Nội vụ |
| | | 9.2. Có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả. | Đạt | | Sở Nội vụ |